

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 269/2022/DS-PT  
Ngày 16-9-2022  
“V/v tranh chấp hợp đồng góp  
hụi”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Nhữn.

Các Thẩm phán:

**Bà Lê Thị Kim Nga.**

**Bà Phùng Thị Cẩm Hồng.**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An Tm gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thùy Dung- Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên toà để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2022/TLPT-DS ngày 25/7/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 27 tháng 05 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 271/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 8 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1990.

Địa chỉ: T, xã H, thị xã T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Đinh Thị T, sinh năm 1989 và ông Nguyễn Tnh T, sinh năm 1980.

Cùng HKTT: T, xã H, thị xã T, tỉnh Long

Nơi ở hiện tại: T, xã H, thị xã T, tỉnh Long.

3. Do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường và kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tnh T.

(Bà E có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và phần trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau:* Bà Nguyễn Thị E yêu cầu bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Tnh T liên đới trả số tiền hụi là 78.400.000 đồng.

Bà E trình bày về căn cứ khởi kiện, năm 2019-2020, bà E Tm gia 03 dây hụi do bà T làm chủ thảo, tên của bà E trong danh sách hụi là “Gấm” cụ thể như sau:

Dây thứ 1: Hụi 2.000.000 đồng/phần mỗi tháng khui một lần vào ngày 03 hàng tháng, hụi có 26 phần, bà E Tm gia 01 phần, ngày khui bắt đầu ngày 03/12/2019, tháng 10/2021 bà T tuyên bố bế hụi, bà đóng được 18 kỳ tổng số tiền thực đóng 18.000.000 đồng, bà không nhớ cụ thể thời gian đóng tiền và số tiền đóng từng kỳ là bao nhiêu, tuy nhiên có người làm chứng là bà Lê Thị T cũng Tm gia dây hụi và đã đóng được 18 kỳ số tiền 18.000.000 đồng.

Dây thứ 2: Hụi 2.000.000đồng/phần, mỗi tháng khui một lần vào ngày 18 hàng tháng, hụi có 26 phần, bà E Tm gia 02 phần, ngày khui bắt đầu là 18/02/2020, tháng 10/2021 bà T tuyên bố bế hụi, bà đóng được 17 kỳ x 02 phần được số tiền thực đóng 36.380.000 đồng, cụ thể mỗi phần hụi đóng như sau:

Ngày 18/02/2020, bỏ hụi 450.000 đồng, đóng số tiền 1.550.000 đồng.

Ngày 18/3/2020, bỏ hụi 450.000 đồng, đóng số tiền 1.550.000 đồng.

Ngày 18/4/2020, nghỉ dịch không đóng.

Ngày 18/5/2020, bỏ hụi 600.000 đồng, đóng số tiền 1.400.000 đồng.

Ngày 18/6/2020, bỏ hụi 750.000 đồng, đóng số tiền 1.250.000 đồng.

Ngày 18/7/2020, bỏ hụi 750.000 đồng, đóng số tiền 1.250.000 đồng.

Ngày 18/8/2020, bỏ hụi 800.000 đồng, đóng số tiền 1.200.000 đồng.

Ngày 18/9/2020, bỏ hụi 920.000 đồng, đóng số tiền 1.080.000 đồng.

Ngày 18/10/2020, bỏ hụi 900.000 đồng, đóng số tiền 1.100.000 đồng.

Ngày 18/11/2020, bỏ hụi 920.000 đồng, đóng số tiền 1.080.000 đồng.

Ngày 18/20/2020, bỏ hụi 900.000 đồng, đóng số tiền 1.100.000 đồng.

Ngày 18/01/2021, bỏ hụi 1.020.000 đồng, đóng số tiền 980.000 đồng.

Ngày 18/02/2021, bỏ hụi 1.100.000 đồng, đóng số tiền 900.000 đồng.

Ngày 18/3/2021, bỏ hụi 1.100.000 đồng, đóng số tiền 900.000 đồng.

Ngày 18/4/2021, bỏ hụi 1.000.000 đồng, đóng số tiền 1.000.000 đồng.

Ngày 18/5/2021 bỏ hụi 1.500.000 đồng, đóng số tiền 500.000 đồng.

Ngày 18/6/2021, bỏ hụi 1.250.000 đồng, đóng số tiền 750.000 đồng.

Tháng 7,8,9 năm 2021 nghỉ dịch không đóng.

Ngày 18/10/2021, bỏ hụi 1.400.000 đồng, đóng số tiền 600.000 đồng.

Tổng cộng là 18.190.000 đồng x 2 phần = 36.380.000 đồng.

Dây thứ 3: Hụi 2.000.000 đồng/phần, mỗi tháng khai một lần vào ngày 22 hàng tháng, hụi có 24 phần, bà Tm gia 02 phần, ngày khai bắt đầu ngày 22/8/2020, tháng 10/2021 bà T tuyên bố bể hụi. Bà đóng được 12 kỳ số tiền thực đóng là 12.010.000 đồng x 2 phần = 24.020.000 đồng, cụ thể số tiền đóng mỗi phần như sau:

Ngày 22/8/2020, bỏ hụi 700.000 đồng, đóng số tiền 1.300.000 đồng.

Ngày 22/9/2020, bỏ hụi 900.000 đồng, đóng số tiền 1.100.000 đồng.

Ngày 22/10/2020, bỏ hụi 810.000 đồng, đóng số tiền 1.190.000 đồng.

Ngày 22/11/2020, bỏ hụi 900.000 đồng, đóng số tiền 1.100.000 đồng.

Ngày 22/12/2020, bỏ hụi 920.000 đồng, đóng số tiền 1.080.000 đồng.

Ngày 22/01/2021, bỏ hụi 1.000.000 đồng, đóng số tiền 1.000.000 đồng.

Ngày 22/02/2021, bỏ hụi 1.100.000 đồng, đóng số tiền 900.000 đồng.

Ngày 22/3/2021, bỏ hụi 1.050.000 đồng, đóng số tiền 950.000 đồng.

Ngày 22/4/2021, bỏ hụi 1.100.000 đồng, đóng số tiền 890.000 đồng.

Ngày 22/5/2021, bỏ hụi 1.110.000 đồng, đóng số tiền 900.000 đồng.

Ngày 22/6/2021, bỏ hụi 1.100.000 đồng, đóng số tiền 900.000 đồng.

Tháng 7, 8, 9 năm 2021 nghỉ dịch không đóng.

Ngày 22/10/2021, bỏ hụi 1.300.000 đồng, đóng số tiền 700.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền hụi thực đóng cho 03 dây hụi là 18.000.000 đồng + 36.380.000 đồng + 24.020.000 đồng = 78.400.000 đồng. Yêu cầu bà T, ông T liên đới trả vì cả hai là vợ chồng, bà T tổ chức dây hụi để lấy tiền sử dụng trong gia đình, ông T có biết bà T tổ chức hụi.

Giữa bà với bà T không có thỏa thuận chốt số nợ 65.000.000 đồng như bà T trình bày. Bà thừa nhận trước khi khởi kiện thì bà với bà T và bà Lê Thị M địa chỉ cư trú tại ấp Ông Nhan Tây, xã Bình Hiệp thỏa thuận bà M sẽ trả nợ Ty cho bà T 12.000.000 đồng, bà có đồng ý, bà M có nói đưa tiền cho bà nhưng hiện bà chưa nhận. Về việc này giữa bà với bà M không có tranh chấp trong vụ án.

*Bị đơn bà Đinh Thị T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị E có Tm gia 03 dây hụi do bà là chủ thảo, cụ thể:

Dây hụi thứ 1: Hụi 2.000.000đồng/phần, mỗi tháng khai một lần vào ngày 03 hàng tháng, hụi có 26 phần, bà E Tm gia 01 phần, ngày khai bắt đầu ngày 03/12/2019, tháng 10/2021 bà tuyên bố bể hụi, bà E đóng được 17 kỳ, số tiền thực đóng là 17.000.000 đồng chứ không phải 18 kỳ (số tiền 18.000.000 đồng) như bà E trình bày. Bà không nhớ cụ thể số tiền hụi bà E đóng từng kỳ là bao nhiêu.

Dây hụi thứ 2: Hụi 2.000.000đồng/phần, mỗi tháng khai một lần vào ngày 18 hàng tháng, hụi có 26 phần, bà E Tm gia 02 phần, ngày khai bắt đầu ngày 18/02/2020, bà E đóng được 17 kỳ x 02 phần, số tiền đã đóng là 34.000.000 đồng

chứ không phải 36.380.000 đồng, cụ thể số tiền bà E đóng từng kỳ bao nhiêu thì bà T không nhớ.

Dây thứ 3: Hụi 2.000.000đồng/phần, mỗi tháng khai một lần vào ngày 22 hàng tháng, hụi có 24 phần, bà E Tm gia 02 phần, ngày khai bắt đầu ngày 22/8/2020, bà E đóng được 12 kỳ x 2 phần, số tiền hụi thực đóng là 24.020.000 đồng.

Trước khi bà E khởi kiện thì giữa bà và bà E có thỏa thuận chốt số tiền hụi nợ là 65.000.000 đồng, vì thỏa thuận miệng nên không có chứng cứ cung cấp. Sau đó thỏa thuận bà Lê Thị M địa chỉ tại ấp Ông Nhan Tây, xã Bình Hiệp trả Ty cho bà 12.000.000 đồng, bà M nói đã trả cho bà E xong. Do đó bà chỉ đồng ý trả số tiền nợ còn 53.000.000 đồng.

Bà T và ông Nguyễn Tnh T là vợ chồng, tuy nhiên có một thời gian bà và ông T mâu thuẫn, bà dẫn các con về nhà ngoại sinh sống nên tổ chức các dây hụi lãnh tiền hoa hồng để chi tiêu cá nhân, nuôi con, mua sắm đồ để mở quán ăn, khi đó ông T chỉ tới lui thăm con chứ không biết bà tổ chức các dây hụi nên bà không đồng ý liên đới cùng ông T trả nợ cho bà E.

*Bị đơn ông Nguyễn Tnh T trình bày:* Ông T là chồng bà T, việc bà T tổ chức các dây hụi thì ông không biết, ông cũng không Tm gia. Trước đây vợ chồng ông có mâu thuẫn nên vợ đã dẫn các con về nhà ngoại ở, ông tới lui thăm con và phụ vợ bán quán ăn, 02 năm nay vợ chồng mới về cất nhà sống chung. Bà T không mang tiền về sử dụng trong gia đình, chi phí nuôi con thì ông có đi làm, vợ chồng có tài sản cho thuê lấy tiền và ông bà nội có cho tiền để nuôi con. Do đó, ông không đồng ý liên đới cùng bà T trả nợ hụi cho bà E.

*Người làm chứng bà Lê Thị T có mặt tại phiên tòa trình bày:* Bà có Tm gia dây hụi mở ngày 03/12/2019 do bà T làm chủ hụi, từ khi mở hụi cho đến khi bà T bẻ hụi thì bà đã đóng được 18 kỳ số tiền thực đóng là 18.000.000 đồng, việc này bà T cũng thừa nhận và hứa trả nên bà không khởi kiện. Bà T biết bà E có Tm gia dây hụi này, tuy nhiên cụ thể bà E đóng hụi cho bà T như thế nào thì bà không rõ vì không chứng kiến.

Tòa án nhân dân Thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 27 tháng 05 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An đã quyết định như sau:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 274, 275, 280, 288 và Điều 471 Bộ luật Dân sự. Áp dụng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phùng. Áp dụng Điều 3, Điều 27, Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình. Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị E về tranh chấp hợp đồng góp hụi với bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Tnh T.

Buộc bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Tnh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị E số tiền nợ hụi là 65.400.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị E về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi với bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Tnh T đối với số tiền 13.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Tnh T phải liên đới nộp 3.270.000 đồng án phí. Bà Nguyễn Thị E phải nộp 650.000 đồng án phí, bà E được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.960.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000579 ngày 31/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường. Hoàn trả bà Nguyễn Thị E số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 1.310.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Ngày 06/6/2022, bị đơn ông Nguyễn Tnh T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng ông T không phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà E.

Ngày 06/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường ban hành kháng nghị số 129/QĐ-VKS-DS. Đề nghị cấp phúc thẩm xE xét giải quyết theo hướng hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm do bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng đưa thiếu người Tm gia tố tụng là bà Lê Thị M Tm gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngoài ra, phần nhận định của bản án không đánh giá nhận xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có thiếu sót.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị E rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 12.000.000 đồng liên quan đến việc khấu trừ nợ giữa bà M với bà T, bà E.

Ông T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu rút toàn bộ kháng cáo.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử và tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 75, Điều 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Việc cung cấp tài liệu, chứng cứ đúng quy định tại Điều 287 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về kháng cáo, kháng nghị: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà E rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà T, ông T trả số tiền 12.000.000 đồng bà T đã chuyển giao nghĩa vụ trả nợ cho bà M.

Nhận thấy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường về việc Tòa sơ thẩm không đưa bà M vào Tm gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan mà nhận định bà T đã chuyển giao nghĩa vụ trả số tiền này cho bà M và tuyên không chấp nhận yêu cầu nợ hui 12.000.000 đồng của bà E là có căn cứ. Tuy nhiên, bà E đã rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này, ông T, bà T không có mặt tại phiên tòa, Tòa sơ thẩm đã tuyên bác yêu cầu khởi kiện của bà E đối với số tiền 12.000.000 đồng này và bà T không có kháng cáo, ông T có kháng cáo nhưng đã rút đơn kháng cáo nên việc bà E rút một phần yêu cầu khởi kiện không ảnh hưởng đến quyền lợi của các bị đơn. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường không còn cần thiết duy trì nên Viện kiểm sát rút kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường và kháng cáo của ông Nguyễn Tnh T. Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 bộ luật tố tụng dân sự: Hủy một phần bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án đối với số tiền 12.000.000 đồng bà E đã rút yêu cầu khởi kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của ông Nguyễn Tnh T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường đúng quy định nên được xE xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An rút toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường do bà E rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần có kháng nghị, ông Nguyễn Tnh T rút toàn bộ kháng cáo, do đó Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường và kháng cáo của ông T.

[3]. Bị đơn bà Đình Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án xét xử vắng mặt bà T theo Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Đối với yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà E: Bà E rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 12.000.000 đồng trước đây bà E khởi kiện yêu cầu bà T, ông T trả. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà E

là hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc. Cấp sơ thẩm cũng đã bác yêu cầu khởi kiện của bà E đối với số tiền 12.000.000 đồng này. Do đó, việc rút đơn của bà E không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự khác. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà E, hủy và đình chỉ một phần bản án dân sự sơ thẩm.

[5]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm, đề nghị của Kiểm sát viên Tm gia phiên tòa về giải quyết vụ án.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông T kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Nguyễn Tnh T và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Hủy và đình chỉ một phần một phần bản án dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị E yêu cầu bà Đinh Thị T, ông Nguyễn Tnh T trả số tiền nợ hui 12.000.000 đồng.

Giữ nguyên một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 27 tháng 05 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 274, 275, 280, 288 và Điều 471 Bộ luật Dân sự. Áp dụng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ về họ, hui, biêu, phurong. Áp dụng Điều 3, Điều 27, Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình. Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị E về tranh chấp hợp đồng góp hui với bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Tnh T.

Buộc bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Tnh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị E số tiền nợ hui là 65.400.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị E về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi với bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Tnh T đối với số tiền 1.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đinh Thị T và ông Nguyễn Tnh T phải liên đới nộp 3.270.000 đồng án phí. Bà Nguyễn Thị E phải nộp 300.000 đồng án phí, bà E được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.960.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000579 ngày 31/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường. Hoàn trả bà Nguyễn Thị E số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 1.660.000 đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Tnh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000696 ngày 06/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Ông T đã nộp xong.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện thị xã Kiến Tường;
- Chi cục TDS thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Những**